

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHĂN NUÔI NÔNG NGHIỆP VIỆT
- ỨC**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHĂN NUÔI NÔNG NGHIỆP VIỆT - ỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET - UC AGRICULTURE LIVESTOCK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET – UC AGRI CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3502290065

3. Ngày thành lập: 29/09/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

thôn Bàu Chiên, Xã Tân Lâm, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0903314242

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
2.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
3.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
4.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
5.	Trồng cây mía	0114
6.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
7.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
8.	Trồng cây ăn quả	0121
9.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
10.	Trồng cây điều	0123
11.	Trồng cây hồ tiêu	0124
12.	Trồng cây cao su	0125
13.	Trồng cây cà phê	0126
14.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
15.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
16.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
17.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
18.	Chăn nuôi lợn	0145
19.	Chăn nuôi gia cầm	0146
20.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
21.	Khai thác gỗ	0221

22.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
23.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt khác;	1010
24.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
25.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (không bao gồm thực hiện việc sơ chế, chế biến);	5210
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa;	5229
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn;	5510
28.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;	4663
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp, trừ hóa chất độc hại cấm kinh doanh); Kinh doanh phụ gia thực phẩm được phép sử dụng;	4669
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722
31.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;	5610
32.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
33.	Xây dựng nhà các loại	4100
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;	4620
37.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản;	4632(Chính)
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô;	4933

